

Sản phẩm Quà Tặng Hạnh Phúc

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG	3
CHƯƠNG 2: QUYỀN LỢI CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM	10
CHƯƠNG 3: QUYỀN LỢI CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM	14
CHƯƠNG 4: PHÍ BẢO HIỂM	17
CHƯƠNG 5: CÁC KHOẢN PHÍ	20
CHƯƠNG 6: QUỸ LIÊN KẾT CHUNG, GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG & LÃI SUẤT CAM KẾT TỐI THIỂU	23
CHƯƠNG 7: ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ	25
CHƯƠNG 8: NHỮNG THAY ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG	27
CHƯƠNG 9: HỦY BỎ VÀ KHÔI PHỤC HỢP ĐỒNG	30
CHƯƠNG 10: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	31
CHƯƠNG 11: BẢO MẬT THÔNG TIN & GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	34
PHỤ LỤC: BỆNH NAN Y	37

CHƯƠNG 1: NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA

- 1.1 **BIDV MetLife / Công ty:** là công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife, có Giấy phép thành lập và hoạt động số 72/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21 tháng 07 năm 2014.
- 1.2 **Bên mua bảo hiểm:** là cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên cư trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; là bên kê khai và ký trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm với Người được bảo hiểm.
- 1.3 **Người được bảo hiểm:** cá nhân từ đủ 30 ngày tuổi trở lên đến 70 tuổi khi tham gia Hợp đồng bảo hiểm, hiện đang cư trú tại Việt Nam và được BIDV MetLife chấp thuận bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản sản phẩm này.
- 1.4 **Người thụ hưởng:** là cá nhân hoặc tổ chức do Bên mua bảo hiểm chỉ định (với sự đồng ý của Người được bảo hiểm hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm) để nhận quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm bảo hiểm này.
- 1.5 **Tuổi / Tuổi của Người được bảo hiểm:** là Tuổi của Người được bảo hiểm tính theo ngày sinh nhật gần nhất trước ngày có hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm hoặc Ngày kỷ niệm hợp đồng trong các năm hợp đồng tiếp theo.
- 1.6 **Thời hạn bảo hiểm:** là khoảng thời gian tính từ ngày hiệu lực Hợp đồng cho đến Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau ngày sinh nhật thứ 100 (một trăm) của Người được bảo hiểm và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 1.7 **Thời hạn hợp đồng:** bằng Thời hạn bảo hiểm.
- 1.8 **Số tiền bảo hiểm:** là số tiền được dùng làm cơ sở để xác định quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm. Số tiền bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm lựa chọn phù hợp với quy định của BIDV MetLife và được ghi tại Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc tài liệu sửa đổi, bổ sung liên quan gần nhất sau Ngày hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm (nếu có).
- 1.9 **Phí bảo hiểm cơ bản:** là khoản tiền xác định từ Số tiền bảo hiểm và Biểu phí bảo hiểm cơ bản được phê chuẩn bởi Bộ tài chính. Phí bảo hiểm cơ bản được thể hiện trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 1.10 **Phí bảo hiểm định kỳ:** là Phí bảo hiểm cơ bản được chia đóng theo định kỳ đóng phí năm / nửa năm / quý / tháng.

- 1.11 **Phí bảo hiểm đóng thêm:** là khoản phí bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm đóng thêm ngoài Phí bảo hiểm định kỳ và phí của sản phẩm bổ trợ (nếu có). Trong mỗi Năm hợp đồng, tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không được vượt quá 5 lần Phí bảo hiểm định kỳ đã đóng của Năm hợp đồng đó.
- 1.12 **Phí bảo hiểm phân bổ:** là phần Phí bảo hiểm cơ bản hoặc Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) sau khi trừ đi Phí ban đầu.
- 1.13 **Thời hạn đóng phí:** linh hoạt sau Thời hạn đóng phí tối thiểu.
- 1.14 **Thời hạn đóng phí tối thiểu:** 03 (ba) năm.
- 1.15 **Ngày đến hạn đóng phí:** là ngày Bên mua bảo hiểm phải đóng Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ đóng phí được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- 1.16 **Ngày có hiệu lực của Hợp đồng:** Với điều kiện Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm còn sống vào thời điểm BIDV MetLife chấp nhận bảo hiểm, Ngày có hiệu lực của Hợp đồng là ngày Bên mua bảo hiểm hoàn tất Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và đóng đầy đủ Phí bảo hiểm tạm tính của Hợp đồng. Ngày có hiệu lực của Hợp đồng được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 1.17 **Thời gian chờ:** là khoảng thời gian trong vòng 90 (chín mươi) ngày đầu tiên kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất.
- 1.18 **Ngày kỷ niệm hợp đồng:** là ngày tương ứng hàng năm của Ngày có hiệu lực của Hợp đồng trong Thời hạn Hợp đồng. Trường hợp trong năm không có ngày tương ứng, ngày liền trước đó sẽ được áp dụng.
- 1.19 **Ngày kỷ niệm hàng tháng:** là ngày tương ứng hàng tháng của Ngày hiệu lực hợp đồng; trường hợp trong tháng không có ngày tương ứng, ngày liền trước đó sẽ được áp dụng.
- 1.20 **Ngày đáo hạn hợp đồng:** là ngày cuối cùng của thời hạn Hợp đồng được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm nếu Hợp đồng còn hiệu lực đến thời điểm đó.
- 1.21 **Năm hợp đồng:** là một năm dương lịch kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc từ Ngày kỷ niệm hợp đồng.
- 1.22 **Giá trị tài khoản cơ bản:** là số tiền được tích lũy từ các khoản Phí bảo hiểm cơ bản trừ đi Phí ban đầu, các khoản khấu trừ hàng tháng, các chi phí khác có liên quan (nếu có), các khoản rút tiền, phí rút tiền tương ứng và cộng vào các khoản lãi và thưởng khác (nếu có). Giá trị tài khoản cơ bản của Hợp đồng được tính lãi hàng tháng theo ngày thực tế và mức Lãi suất tích lũy quy định tại Hợp đồng bảo hiểm.

- 1.23 **Giá trị tài khoản đóng thêm:** là số tiền được tích lũy từ các khoản Phí bảo hiểm đóng thêm trừ đi Phí ban đầu và các chi phí khác có liên quan (nếu có), các khoản rút tiền và cộng vào các khoản lãi và thưởng khác (nếu có). Giá trị tài khoản đóng thêm của Hợp đồng được tính lãi hàng tháng theo ngày thực tế và mức Lãi suất tích lũy quy định tại Hợp đồng bảo hiểm.
- 1.24 **Giá trị tài khoản:** là tổng của Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm.
- 1.25 **Giá trị hoàn lại:** là số tiền Bên mua bảo hiểm sẽ nhận được khi Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trước thời hạn. Giá trị hoàn lại bằng Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm tại thời điểm chấm dứt trừ đi Phí hủy bỏ hợp đồng trước hạn, các khoản nợ (nếu có). BIDV MetLife có trách nhiệm tính Giá trị hoàn lại phù hợp với Cơ sở kỹ thuật đã đăng ký với Bộ Tài chính. BIDV MetLife trình bày Giá trị hoàn lại ước tính vào Ngày kỷ niệm hợp đồng tại tài liệu minh họa bán hàng.
- 1.26 **Lãi suất đầu tư Quỹ liên kết chung:** là lãi suất được xác định từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung. Lãi suất đầu tư Quỹ liên kết chung được BIDV MetLife công bố hàng Quý (hoặc thời gian ngắn hơn nếu có biến động lớn về lãi suất) trên Trang thông tin điện tử (website) chính thức của Công ty.
- 1.27 **Lãi suất tích lũy:** là lãi suất được xác định từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung sau khi trừ đi Phí quản lý quỹ và được áp dụng để tích lũy vào Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm. Lãi suất tích lũy sẽ không thấp hơn Lãi suất cam kết tối thiểu theo quy định tại Điều 18.
- 1.28 **Khoản khấu trừ hàng tháng:** là khoản phí được BIDV MetLife khấu trừ từ Giá trị tài khoản hợp đồng vào Ngày phát hành hợp đồng hoặc Ngày kỷ niệm hàng tháng, bao gồm: Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý hợp đồng.
- 1.29 **Khoản giảm thu nhập đầu tư:** là số tiền thu nhập từ hoạt động đầu tư bị giảm do việc tạm ứng từ Giá trị tài khoản. Khoản giảm thu nhập đầu tư được tính bằng phần trăm của số tiền tạm ứng từ Giá trị tài khoản phù hợp với cơ sở kỹ thuật đã được Bộ Tài Chính phê chuẩn.
- 1.30 **Khoản nợ:** là tổng các khoản tạm ứng từ Giá trị tài khoản, Khoản giảm thu nhập đầu tư (nếu có).
- 1.31 **Phí bảo hiểm tạm tính:** là khoản Phí bảo hiểm được thể hiện trên Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm nộp cùng với Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.
- 1.32 **Thương tật toàn bộ vĩnh viễn:** là trường hợp
a. Người được bảo hiểm bị mất, liệt hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của:

- (i) Hai tay; hoặc
- (ii) Hai chân; hoặc
- (iii) Một tay và một chân; hoặc
- (iv) Hai mắt; hoặc
- (v) Một tay và một mắt; hoặc
- (vi) Một chân và một mắt.

Trong trường hợp này, mất hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của (i) tay được tính từ cổ tay trở lên, (ii) chân được tính từ mắt cá chân trở lên, (iv) mắt được hiểu là mất hẳn mắt hoặc mù hoàn toàn.

Việc chứng nhận Người được bảo hiểm bị mất hoàn toàn bộ phận cơ thể (tay, chân hoặc mắt) có thể được thực hiện ngay sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra.

Việc chứng nhận bị liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của các bộ phận cơ thể phải được thực hiện bởi Cơ quan y tế có thẩm quyền / Hội đồng y khoa cấp tỉnh trở lên và không sớm hơn 180 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm hoặc từ ngày bệnh lý được chuẩn đoán xác định.

Hoặc:

b. Người được bảo hiểm bị thương tật từ 81% theo xác nhận của cơ quan y tế/ Hội đồng giám định Y khoa cấp tỉnh trở lên.

- 1.33 **Bệnh nan y:** là bất kỳ bệnh nào trong 05 (năm) bệnh Ung thư, Đột quy (Tai biến mạch máu não), Nhồi máu cơ tim, Suy gan giai đoạn cuối, Suy thận giai đoạn cuối nằm trong danh sách các bệnh quy định trong Phụ lục Bệnh nan y (ngoại trừ các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với từng Bệnh nan y cụ thể) được đính kèm theo Quy tắc và điều khoản này (“Phụ lục Bệnh nan y”).
- 1.34 **Bác sĩ:** là người có bằng cấp chuyên môn y khoa được cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc nước sở tại cấp hoặc thừa nhận, và được phép hành nghề trong phạm vi được cấp phép.
- 1.35 **Bệnh có sẵn:** là tình trạng bệnh tật hoặc thương tật của Người được bảo hiểm đã được Bác sĩ khám, chẩn đoán hoặc điều trị trước Ngày hiệu lực Hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng. Hồ sơ y tế, tình trạng tiền sử bệnh được lưu giữ tại bệnh viện cơ sở y tế được thành lập hợp pháp hoặc các thông tin do Người được bảo hiểm tự kê khai được xem là bằng chứng đầy đủ và hợp pháp về Bệnh có sẵn.
- 1.36 **Bệnh bẩm sinh:** là bất kỳ bệnh nào được hình thành trên thai nhi trong quá trình mang thai của người mẹ dưới tác động của yếu tố môi trường lên sự phát triển của thai nhi và có thể được cơ quan y tế mô tả dưới nhiều tên gọi khác nhau như “bệnh bẩm sinh”, “dị tật bẩm sinh”, “khuyết tật bẩm sinh”, “khiếm khuyết bẩm sinh”. Việc xác định Bệnh bẩm sinh phải do Bác sĩ hành nghề hợp pháp thực hiện.

- 1.37 **Tai nạn:** là một sự kiện hoặc một chuỗi sự kiện liên tục, khách quan, xảy ra do tác động của một lực, một vật bất ngờ từ bên ngoài, không chủ động và ngoài ý muốn lên cơ thể của Người được bảo hiểm. Sự kiện hoặc chuỗi sự kiện nêu trên phải là nguyên nhân trực tiếp, duy nhất và không liên quan đến bất kỳ nguyên nhân nào khác gây ra thương tật hoặc tử vong cho Người được bảo hiểm trong vòng 180 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện hoặc chuỗi sự kiện đó.
- 1.38 **Tai nạn giao thông công cộng:** là tai nạn xảy ra đối với Người được bảo hiểm khi đang là hành khách có mua vé hoặc trả phí trên các Phương tiện giao thông công cộng của các đơn vị vận tải hành khách được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật.
Phương tiện giao thông công cộng gồm: xe buýt, ô tô chở khách tuyến cố định, tàu bay chở khách, tàu hỏa chở khách (gồm cả phương tiện đường sắt đô thị), tàu thủy chở khách tuyến cố định, phà chở khách tuyến cố định.
- 1.39 **Tai nạn thông thường:** là tai nạn xảy ra đối với Người được bảo hiểm nhưng không phải là Tai nạn giao thông công cộng.
- 1.40 **Quỹ Liên kết chung:** là quỹ được hình thành từ nguồn Phí bảo hiểm của các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Tài sản của Quỹ Liên kết chung không phân chia và xác định chung cho tất cả các Hợp đồng bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm được hưởng lãi trên Giá trị tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào hiệu quả hoạt động của Quỹ Liên kết chung theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm.
- 1.41 **Sản phẩm bổ trợ:** là sản phẩm bảo hiểm bổ sung kèm theo sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung trọn đời mà BIDV MetLife cung cấp cho Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc những người khác theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm, phù hợp với các quy định của pháp luật và của BIDV MetLife. Quyền lợi bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ liên quan được nêu tại Quy tắc và điều khoản của sản phẩm bổ trợ.
- 1.42 Mọi dẫn chiếu đến “**Hợp đồng**”, “**Hợp đồng bảo hiểm**” được hiểu là dẫn chiếu đến Hợp đồng bảo hiểm này.

ĐIỀU 2. HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

- 2.1 **Hợp đồng bảo hiểm:** là thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên mua bảo hiểm và BIDV MetLife theo đó ghi nhận quyền và nghĩa vụ các bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Hợp đồng bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:
- Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm;
 - Giấy Chứng nhận bảo hiểm;
 - Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm;
 - Bảng minh họa quyền lợi;
 - Các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng bảo hiểm (nếu có).

- 2.2 **Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm:** là văn bản yêu cầu bảo hiểm theo mẫu của BIDV MetLife, trong đó ghi các nội dung đề nghị tham gia bảo hiểm và thông tin do Bên mua bảo hiểm cung cấp để BIDV MetLife đánh giá rủi ro, làm căn cứ chấp nhận bảo hiểm hoặc từ chối bảo hiểm. Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm (và Người được bảo hiểm hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm) kê khai, ký tên và cung cấp cho BIDV MetLife.
- 2.3 **Bảng câu hỏi sức khỏe:** bản khai báo tình trạng sức khỏe (theo mẫu có sẵn do BIDV MetLife cung cấp) do Người được bảo hiểm điền và cung cấp cho BIDV MetLife cùng với Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm. Bảng câu hỏi sức khỏe là một phần của Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.
- 2.4 **Giấy chứng nhận bảo hiểm:** là văn bản do BIDV MetLife cấp cho Bên mua bảo hiểm, trong đó thể hiện các thông tin cơ bản của Hợp đồng bảo hiểm và là văn bản xác nhận việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm từ phía Công ty.
- 2.5 **Tài liệu minh họa bán hàng:** là tài liệu minh họa về sản phẩm bảo hiểm được cung cấp cho Bên mua bảo hiểm, thể hiện các thông tin cơ bản về Hợp đồng bảo hiểm theo điều kiện, Quy tắc và điều khoản bảo hiểm được thỏa thuận giữa Bên mua bảo hiểm và BIDV MetLife. Tài liệu minh họa bán hàng là một phần không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN CÂN NHẮC

Trong vòng hai mươi một (21) ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng bảo hiểm, với điều kiện là chưa xảy ra sự kiện bảo hiểm hoặc chưa có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào, Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối không tham gia bảo hiểm bằng cách gửi văn bản thông báo hủy Hợp đồng bảo hiểm đến BIDV MetLife. BIDV MetLife sẽ hoàn trả phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi đã trừ đi chi phí khám sức khỏe (nếu có).

ĐIỀU 4. BẢO HIỂM TẠM THỜI

- 4.1 **Thời gian bảo hiểm tạm thời:** Thời hạn bảo hiểm tạm thời bắt đầu từ khi Bên mua bảo hiểm hoàn tất Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và đóng đủ Phí bảo hiểm tạm tính. Thời hạn bảo hiểm tạm thời sẽ kết thúc vào thời điểm xảy ra bất cứ sự kiện nào được nêu tại Khoản 4.5 tùy thời điểm nào đến trước.
- 4.2 **Quyền lợi bảo hiểm tạm thời:** Nếu Người được bảo hiểm tử vong do tai nạn trong thời gian bảo hiểm tạm thời, BIDV MetLife sẽ chi trả số nhỏ hơn giữa **200.000.000** (Hai trăm triệu) đồng và tổng Số tiền bảo hiểm của (các) sản phẩm chính đang được thẩm định trên cùng một Người được bảo hiểm. Trong trường hợp tổng Phí bảo hiểm đã đóng lớn hơn số tiền nêu trên thì BIDV MetLife sẽ hoàn lại tổng Phí bảo hiểm đã đóng.

- 4.3 **Loại trừ đối với bảo hiểm tạm thời:** BIDV MetLife không chi trả Quyền lợi bảo hiểm tạm thời và hoàn lại toàn bộ Phí bảo hiểm đã đóng sau khi trừ đi chi phí khám sức khỏe (nếu có), nếu Người được bảo hiểm tử vong trực tiếp do một trong các nguyên nhân sau:
- (i) Không phải tai nạn; hoặc
 - (ii) Tự tử, tự gây thương tích hoặc tự gây tai nạn, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
 - (iii) Do hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người thụ hưởng đối với Người được bảo hiểm; hoặc
 - (iv) Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, sử dụng ma túy hoặc các chất kích thích, rượu, bia, vượt mức quy định của pháp luật.
- 4.4 Số tiền nêu tại Khoản 4.2 hoặc Khoản 4.3 được thanh toán cho Bên mua bảo hiểm trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không đồng thời là Người được bảo hiểm hoặc cho Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm trong trường hợp Bên mua bảo hiểm đồng thời là Người được bảo hiểm.
- 4.5 Bảo hiểm tạm thời sẽ chấm dứt tại thời điểm xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây, tùy theo ngày nào đến trước:
- (i) BIDV MetLife phát hành Giấy chứng nhận Bảo hiểm;
 - (ii) BIDV MetLife phát hành Thông báo từ chối bảo hiểm hoặc Thông báo tạm hoãn bảo hiểm;
 - (iii) Xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Khoản 4.2 và Khoản 4.3;
 - (iv) BIDV MetLife nhận được văn bản đề nghị hủy bỏ yêu cầu bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm. Trong trường hợp này, BIDV MetLife sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm số Phí bảo hiểm tạm tính đã đóng (không có lãi) trừ đi Chi phí khám sức khỏe (nếu có);
 - (v) Kết thúc thời hạn 30 ngày kể từ ngày Phí bảo hiểm tạm tính của Hợp đồng bảo hiểm được đóng, trừ khi BIDV MetLife thông báo với Bên mua bảo hiểm bằng văn bản về việc gia hạn thời gian bảo hiểm tạm thời. Trong trường hợp này, BIDV MetLife sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm số Phí bảo hiểm tạm tính đã đóng (không có lãi).
- 4.6 Trường hợp BIDV MetLife không chấp nhận bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm sẽ được hoàn lại số Phí bảo hiểm tạm tính đã đóng (không có lãi).

CHƯƠNG 2: QUYỀN LỢI CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

ĐIỀU 5. QUYỀN LỢI CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

- 5.1 **Quyền lợi đáo hạn:** BIDV MetLife trả toàn bộ Giá trị tài khoản Hợp đồng khi Người được bảo hiểm sống đến Ngày đáo hạn Hợp đồng.
- 5.2 **Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn:**
- 5.2.1 Bên mua bảo hiểm có quyền lựa chọn một trong hai Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn như sau:
- **Quyền lợi Cơ bản:** bằng giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản Hợp đồng tính tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
 - **Quyền lợi Nâng cao:** bằng Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị tài khoản Hợp đồng tính tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
- 5.2.2 Nếu Người được bảo hiểm từ 66 tuổi trở lên tại thời điểm yêu cầu bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm chỉ được tham gia Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn là Quyền lợi Cơ bản. Trường hợp Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn là Quyền lợi Nâng cao, Quyền lợi Nâng cao sẽ tự động chuyển thành Quyền lợi Cơ bản kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau ngày sinh nhật lần thứ 66 của Người được bảo hiểm.
- 5.2.3 BIDV MetLife trả Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn trong trường hợp Người được bảo hiểm:
- (i) Tử vong khi Hợp đồng đang có hiệu lực, hoặc;
 - (ii) bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn trước khi đạt 71 tuổi và khi Hợp đồng đang có hiệu lực.
- 5.2.4 Trong trường hợp Người được bảo hiểm là trẻ em, giới hạn Số tiền bảo hiểm theo Tuổi của Người được bảo hiểm nêu tại bảng dưới đây sẽ được sử dụng thay thế cho Số tiền bảo hiểm khi xác định Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn:

Tuổi của Người được bảo hiểm khi tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn	Giới hạn Số tiền bảo hiểm
0	20% Số tiền bảo hiểm
1	40% Số tiền bảo hiểm
2	60% Số tiền bảo hiểm
3	80% Số tiền bảo hiểm
Từ 4 tuổi trở lên	100% Số tiền bảo hiểm

5.3 Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn:

5.3.1 Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn thông thường:

Ngoài Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn nêu tại Khoản 5.2, trong trường hợp Người được bảo hiểm trước khi đạt 66 tuổi (i) tử vong hoặc (ii) bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn thông thường trong khi Hợp đồng đang có hiệu lực, BIDV MetLife sẽ chi trả thêm giá trị nhỏ hơn giữa Số tiền bảo hiểm và **5.000.000.000 (năm tỷ đồng)**.

Trong trường hợp Người được bảo hiểm là trẻ em, Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn thông thường sẽ được điều chỉnh theo hệ số dưới đây:

Tuổi của Người được bảo hiểm khi tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn Tai nạn thông thường	Hệ số điều chỉnh
0	20%
1	40%
2	60%
3	80%
Từ 4 tuổi trở lên	100%

5.3.2 Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn giao thông công cộng hoặc tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam:

Ngoài quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn nêu tại Khoản 5.2, trong trường hợp Người được bảo hiểm trước khi đạt 66 tuổi (i) Tử vong hoặc (ii) bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn giao thông công cộng hoặc do tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam trong khi Hợp đồng đang có hiệu lực, BIDV MetLife sẽ trả thêm giá trị nhỏ hơn giữa 200% Số tiền bảo hiểm và **10.000.000.000 (mười tỷ đồng)**.

Trong trường hợp Người được bảo hiểm là trẻ em, Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn giao thông công cộng hoặc tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam sẽ được điều chỉnh theo hệ số dưới đây:

Tuổi của Người được bảo hiểm khi tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn giao thông công cộng hoặc tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam	Hệ số điều chỉnh
0	20%
1	40%
2	60%
3	80%
Từ 4 tuổi trở lên	100%

5.4 Quyền lợi bảo hiểm Bệnh nan y:

5.4.1 Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực và trước Ngày kỷ niệm hợp đồng khi Người được bảo hiểm đạt 81 tuổi, nếu Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc Bệnh nan y lần đầu tiên và phát sinh sau Thời gian chờ, BIDV MetLife sẽ chi trả Quyền lợi Bệnh nan y bằng 100% Số tiền bảo hiểm trong 03 (ba) lần theo trình tự dưới đây nhưng không vượt quá 5 tỷ đồng:

- Lần 1: 80% (tám mươi phần trăm) Quyền lợi bảo hiểm Bệnh nan y tại thời điểm chấp thuận chi trả Quyền lợi bảo hiểm;
- Lần 2: 10% (mười phần trăm) Quyền lợi bảo hiểm Bệnh nan y, một năm sau khi chi trả lần 1;
- Lần 3: 10% (mười phần trăm) Quyền lợi bảo hiểm Bệnh nan y, một năm sau khi chi trả lần 2.

5.4.2 Sau khi Quyền lợi bảo hiểm Bệnh nan y bắt đầu được chi trả, Bên mua bảo hiểm không có quyền yêu cầu:

- Chuyển đổi giữa Quyền lợi cơ bản và Quyền lợi nâng cao, ngoại trừ trường hợp chuyển đổi tự động theo quy định tại Mục 5.2.2; hoặc;
- Tăng Số tiền bảo hiểm.

5.4.3 Quyền lợi hỗ trợ đóng phí khi mắc Bệnh nan y:

Nếu quyền lợi Bệnh nan y được chấp thuận chi trả theo Mục 5.4.1, BIDV MetLife sẽ hỗ trợ đóng 03 (ba) năm Phí bảo hiểm cơ bản (sau khi đã trừ Phí ban đầu) trong 03 (ba) năm khi Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, kể từ ngày đến hạn đóng phí liền sau ngày BIDV MetLife chấp thuận chi trả Quyền lợi Bệnh nan y tại Mục 5.4.1.

Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm chưa đóng đủ Phí bảo hiểm định kỳ tại thời điểm Quyền lợi Bệnh nan y được chấp thuận chi trả, BIDV MetLife sẽ ưu tiên đóng bù phần cho các kỳ Phí bảo hiểm định kỳ đóng thiếu trước đó, phần còn lại (nếu có) sẽ được đóng tiếp vào các kỳ đóng phí tương ứng.

- 5.5 Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực ngay sau khi xảy ra sự kiện bảo hiểm được chi trả trong Khoản 5.2 hoặc Khoản 5.3.

ĐIỀU 6. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

6.1 Quyền lợi hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, Giá trị tài khoản sẽ được tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất tích lũy tại từng thời điểm.

6.2 Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng

Khoản Thưởng duy trì hợp đồng được tự động cộng vào Giá trị tài khoản cơ bản tại Ngày kỷ niệm Hợp đồng lần thứ 5 (năm) và các Ngày kỷ niệm Hợp đồng mỗi 3 (ba) năm sau đó cho đến khi kết thúc hợp đồng, với điều kiện Phí bảo hiểm cơ bản đã được đóng đầy đủ trong giai đoạn 3 (ba) năm Hợp đồng liền trước ngày trả Thưởng duy trì hợp đồng.

Khoản Thưởng duy trì hợp đồng được xác định bằng 10% tổng khoản lãi tích lũy vào Giá trị tài khoản cơ bản trong 03 (ba) năm trước thời điểm xét thưởng.

CHƯƠNG 3: QUYỀN LỢI CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

ĐIỀU 7. RÚT TIỀN TỪ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN

- 7.1 Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản khi đáp ứng các điều kiện sau:
- Số tiền rút không thấp hơn hạn mức tối thiểu do BIDV MetLife quy định tại từng thời điểm;
 - Số tiền rút không vượt quá 80% Giá trị tài khoản.
- 7.2 Yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản, nếu được BIDV MetLife chấp thuận, sẽ được thực hiện theo thứ tự (i) Giá trị tài khoản đóng thêm và (ii) Giá trị tài khoản cơ bản.
- 7.3 Nếu tại thời điểm rút tiền, Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn đang được lựa chọn là Quyền lợi cơ bản và Giá trị tài khoản Hợp đồng sau khi rút thấp hơn 75% Số tiền bảo hiểm thì:
- (i) Số tiền bảo hiểm của Hợp đồng sẽ được điều chỉnh bằng Giá trị tài khoản sau khi rút; hoặc
 - (ii) Người được bảo hiểm chấp nhận thẩm định rủi ro sức khỏe, tai nạn và theo quyết định thẩm định của BIDV MetLife để duy trì Số tiền bảo hiểm.
- 7.4 Phí rút tiền được quy định tại Khoản 15.6.

ĐIỀU 8. NHẬN TẠM ỨNG TỪ GIÁ TRỊ HOÀN LẠI

- 8.1 Khi Hợp đồng có hiệu lực từ đủ 02 (hai) năm trở lên và không tạm ngừng đóng phí, nếu Giá trị tài khoản đóng thêm bằng 0 và Giá trị hoàn lại của Hợp đồng sau khi trừ đi Khoản nợ lớn hơn 0, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu nhận tạm ứng một số tiền không quá 80% Giá trị hoàn lại và theo quy định của BIDV MetLife. BIDV MetLife sẽ tính Khoản giảm thu nhập đầu tư tương ứng với số tiền tạm ứng này. Tuy nhiên, việc tạm ứng từ Giá trị hoàn lại không ảnh hưởng tới việc tính toán Giá trị tài khoản Hợp đồng theo quy định tại Điều 17.
- 8.2 Bên mua bảo hiểm có thể hoàn trả cho BIDV MetLife số tiền tạm ứng và Khoản giảm thu nhập đầu tư vào bất cứ lúc nào trong thời gian Hợp đồng đang còn hiệu lực.
- 8.3 Mức lãi suất áp dụng cho khoản giảm thu nhập đầu tư này sẽ không cao hơn trung bình lãi suất cho vay có tài sản đảm bảo của 10 ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam và không thấp hơn lãi suất công bố của Quỹ liên kết chung. Mức lãi suất của khoản giảm thu nhập đầu tư sẽ được BIDV MetLife công bố tại từng thời điểm trên Trang thông tin điện tử (website) chính thức của Công ty.

- 8.4 Nếu Giá trị tài khoản Hợp đồng trừ đi Khoản nợ nhỏ hơn hoặc bằng 0, Hợp đồng sẽ tự động chấm dứt hiệu lực. Trong trường hợp này, Bên mua bảo hiểm không được nhận lại Phí bảo hiểm đã đóng, Giá trị hoàn lại hay Giá trị Tài khoản Hợp đồng.

ĐIỀU 9. THAY ĐỔI SỐ TIỀN BẢO HIỂM

- 9.1 **Tăng Số tiền bảo hiểm:** trước Ngày kỷ niệm hợp đồng khi Người được bảo hiểm đạt 66 (sáu mươi sáu) tuổi và Hợp đồng đóng đầy đủ phí bảo hiểm cơ bản, Bên mua bảo hiểm (với sự chấp thuận của Người được bảo hiểm hoặc người giám hộ hợp pháp của Người được bảo hiểm) có thể yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm mỗi năm 01 (một) lần vào Ngày kỷ niệm hợp đồng, và:
- BIDV MetLife có thể yêu cầu thẩm định về sức khỏe và các điều kiện có thể được bảo hiểm của Người được bảo hiểm để chấp thuận việc tăng Số tiền bảo hiểm; và
 - Số tiền bảo hiểm sau khi tăng không vượt quá Số tiền bảo hiểm tối đa do BIDV MetLife quy định tại từng thời điểm.
- 9.2 **Giảm Số tiền bảo hiểm:** Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu giảm Số tiền bảo hiểm mỗi năm 01 (một) lần vào Ngày kỷ niệm hợp đồng và Số tiền bảo hiểm sau khi giảm không thấp hơn Số tiền bảo hiểm tối thiểu do BIDV MetLife quy định tại từng thời điểm.
- 9.3 Việc tăng hay giảm Số tiền bảo hiểm, nếu được BIDV MetLife chấp thuận hoặc từ chối, sẽ được thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm. Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm rủi ro, Quyền lợi bảo hiểm và các nội dung khác có liên quan của Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng với Số tiền bảo hiểm mới.
- 9.4 Bên mua bảo hiểm phải chịu chi phí khám sức khỏe (nếu có) liên quan đến yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm nêu tại Khoản 9.1.

ĐIỀU 10. CHUYỂN ĐỔI QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TỬ VONG HOẶC THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VĨNH VIỄN

- 10.1 **Chuyển đổi từ Quyền lợi Cơ bản sang Quyền lợi Nâng cao**
- 10.1.1 Sau khi Hợp đồng đã có hiệu lực ít nhất 01 (một) năm và đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản, Bên mua bảo hiểm (với sự chấp thuận của Người được bảo hiểm hoặc Người giám hộ hợp pháp) có thể yêu cầu chuyển đổi từ Quyền lợi Cơ bản sang Quyền lợi Nâng cao mỗi năm 01 (một) lần trước khi Người được bảo hiểm đạt 66 (sáu mươi sáu) tuổi.

- 10.1.2 BIDV MetLife có thể yêu cầu thăm định về sức khỏe, nghề nghiệp, nơi cư trú và điều kiện pháp lý của Người được bảo hiểm để chấp thuận việc chuyển đổi này. BIDV MetLife chịu chi phí khám sức khỏe theo chỉ định của Công ty.
- 10.2 **Chuyển đổi từ Quyền lợi Nâng cao sang Quyền lợi Cơ bản:** Sau khi Hợp đồng đã có hiệu lực và đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản 01 (một) năm, Bên mua bảo hiểm (với sự chấp thuận của Người được bảo hiểm hoặc Người giám hộ hợp pháp) có thể yêu cầu chuyển đổi từ Quyền lợi Nâng cao sang Quyền lợi Cơ bản mỗi năm 01 (một) lần.
- 10.3 Việc chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm sẽ có hiệu lực vào Ngày kỷ niệm hàng tháng ngay sau ngày yêu cầu chuyển đổi quyền lợi được BIDV MetLife chấp thuận bằng văn bản. Phí bảo hiểm rủi ro và các quyền lợi bảo hiểm liên quan sẽ được điều chỉnh tương ứng.

ĐIỀU 11. THAM GIA THÊM HOẶC CHẤM DỨT CÁC SẢN PHẨM BỔ TRỢ

- 11.1 Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu tham gia thêm các Sản phẩm bổ trợ nếu:
- BIDV MetLife có cung cấp Sản phẩm bổ trợ đó tại thời điểm yêu cầu;
 - Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm đủ điều kiện tham gia Sản phẩm bổ trợ được yêu cầu;
 - Bên mua bảo hiểm đồng ý trả thêm Phí bảo hiểm cho Sản phẩm bổ trợ (đối với các sản phẩm bổ trợ đóng phí độc lập) hoặc đồng ý khấu trừ Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ từ Giá trị tài khoản hợp đồng.
- 11.2 Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu chấm dứt các Sản phẩm bổ trợ mua kèm bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản đến Công ty. Việc chấm dứt các Sản phẩm bổ trợ sẽ có hiệu lực kể từ ngày BIDV MetLife chấp thuận bằng văn bản và không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm.

CHƯƠNG 4: PHÍ BẢO HIỂM

ĐIỀU 12. QUY ĐỊNH VỀ ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM, PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

- 12.1 Phí bảo hiểm cơ bản không được thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của BIDV MetLife tại thời điểm yêu cầu bảo hiểm.
- 12.2 Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn đóng Phí bảo hiểm định kỳ theo định kỳ năm, 06 tháng, quý hoặc tháng theo quy định của BIDV MetLife tại thời điểm Bên mua bảo hiểm lựa chọn định kỳ đóng phí.
- 12.3 Thời hạn đóng phí, định kỳ đóng phí, Ngày đến hạn đóng phí, Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm định kỳ được ghi tại Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.
- 12.4 Trong Thời hạn đóng phí tối thiểu, Bên mua bảo hiểm phải đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm định kỳ để Hợp đồng duy trì hiệu lực. Trong các năm hợp đồng tiếp theo, Bên mua bảo hiểm có thể đóng Phí bảo hiểm bất kì lúc nào với điều kiện số phí đóng mỗi lần không thấp hơn số Phí bảo hiểm tối thiểu do BIDV MetLife quy định tại mỗi thời điểm.
- 12.5 Khi Hợp đồng không có khoản tạm ứng từ Giá trị hoàn lại mà tại một thời điểm nào đó, Giá trị tài khoản không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng, Công ty sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm phải đóng bổ sung Phí bảo hiểm để Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực.
- 12.6 **Phí bảo hiểm đóng thêm:** Khi Phí bảo hiểm định kỳ của Hợp đồng chính và Phí bảo hiểm định kỳ của Sản phẩm bổ trợ (nếu có) được đóng đầy đủ cho đến thời điểm hiện tại, Bên mua bảo hiểm có thể đóng Phí bảo hiểm đóng thêm để gia tăng đầu tư vào Quỹ liên kết chung, với điều kiện:
- Phí bảo hiểm đóng thêm mỗi lần không thấp hơn mức tối thiểu do BIDV MetLife quy định tại mỗi thời điểm; và
 - Trong mỗi Năm hợp đồng tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không vượt quá 05 lần số nhỏ hơn giữa Phí bảo hiểm cơ bản và tổng Phí bảo hiểm định kỳ đã đóng đến thời điểm yêu cầu.
- BIDV MetLife có quyền đồng ý, từ chối hoặc điều chỉnh mức Phí bảo hiểm đóng thêm tối thiểu và tối đa, phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp từ chối hoặc điều chỉnh Phí bảo hiểm đóng thêm, BIDV MetLife sẽ hoàn trả lại cho Bên mua bảo hiểm số tiền bị từ chối (không có lãi).
- 12.7 **Phân bố Phí bảo hiểm:**

- 12.7.1 Trong mỗi Năm hợp đồng, bất kỳ khoản Phí bảo hiểm nào do Bên mua bảo hiểm đóng sẽ được phân bổ theo thứ tự ưu tiên như sau:
- (i) Phí bảo hiểm định kỳ chưa đóng và Phí bảo hiểm định kỳ đến hạn của Hợp đồng chính và các sản phẩm bổ trợ (nếu có);
 - (ii) Đối với phần Phí bảo hiểm còn lại (nếu có):
 - Nếu có yêu cầu đóng Phí bảo hiểm đóng thêm của Bên mua bảo hiểm, phần Phí bảo hiểm còn lại sẽ được phân bổ như Phí bảo hiểm đóng thêm của Năm hợp đồng hiện tại, theo các quy định về Phí bảo hiểm đóng thêm;
 - Nếu không có yêu cầu đóng Phí bảo hiểm đóng thêm của Bên mua bảo hiểm, phần phí bảo hiểm còn lại sẽ được phân bổ vào Phí bảo hiểm định kỳ của sản phẩm chính và Phí định kỳ của các sản phẩm bổ trợ (nếu có) của các kỳ đóng phí tiếp theo khi đến hạn cho đến hết năm của Hợp đồng hiện tại.
 - (iii) Phí bảo hiểm còn lại (nếu có) sẽ được BIDV MetLife phân bổ như Phí bảo hiểm đóng thêm tại ngày đến hạn đóng phí cuối cùng của năm Hợp đồng hiện tại.
Phần Phí bảo hiểm còn lại (nếu có) trong trường hợp BIDV MetLife giữ lại sẽ không có lãi.
- 12.7.2 Phí bảo hiểm định kỳ phân bổ vào Quỹ liên kết chung cho Năm hợp đồng nào sẽ áp dụng tỷ lệ Phí ban đầu của Phí bảo hiểm định kỳ tương ứng với Năm hợp đồng đó được nêu tại Khoản 15.1. Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm tạm dừng đóng phí, Phí bảo hiểm định kỳ của năm Hợp đồng đóng tiếp theo sẽ áp dụng tỉ lệ Phí ban đầu của năm Phí bảo hiểm định kỳ chưa đóng trước đó.
- 12.8 Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu thay đổi định kỳ đóng Phí bảo hiểm. Yêu cầu thay đổi định kỳ đóng Phí bảo hiểm phải được lập thành văn bản và gửi cho BIDV MetLife chậm nhất 30 ngày trước Ngày đến hạn đóng phí tiếp theo. Việc thay đổi kỳ đóng phí có hiệu lực khi BIDV MetLife có văn bản chấp thuận.
- 12.9 Bên mua bảo hiểm có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác đóng Phí bảo hiểm theo quy định của BIDV MetLife tại từng thời điểm.

ĐIỀU 13. GIA HẠN ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM

- 13.1 Trường hợp Bên mua bảo hiểm không thể đóng Phí bảo hiểm theo đúng thời hạn đã thoả thuận, việc đóng Phí bảo hiểm được gia hạn 60 ngày kể từ ngày xảy ra sớm nhất của một trong các sự kiện sau:
- (i) Trong Thời hạn đóng phí tối thiểu, khi Bên mua bảo hiểm không đóng đủ Phí bảo hiểm định kỳ đến hạn;
 - (ii) Kể từ năm thứ 04 (bốn) trở đi, khi Giá trị tài khoản Hợp đồng trừ đi Khoản nợ (nếu có) không đủ cho Khoản khấu trừ hàng tháng.

- 13.2 Trong thời gian gia hạn đóng phí, Khoản khấu trừ hàng tháng vẫn tiếp tục được trừ từ Giá trị tài khoản Hợp đồng hoặc được ghi nợ tại BIDV MetLife.
- 13.3 Trong thời gian gia hạn đóng phí nếu Bên mua bảo hiểm không đóng đủ Phí bảo hiểm cần thiết theo quy định của BIDV MetLife nêu tại Khoản 12.4 thì Hợp đồng sẽ tự động chấm dứt hiệu lực kể từ ngày kết thúc thời gian gia hạn đóng phí. Nếu Bên mua bảo hiểm yêu cầu rút hết Giá trị tài khoản Hợp đồng sau khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực, Bên mua bảo hiểm sẽ phải chịu Phí hủy bỏ Hợp đồng tính tại thời điểm Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.

ĐIỀU 14. TẠM NGỪNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM

- 14.1 Kể từ Năm hợp đồng thứ 04 (bốn) trở đi, nếu Bên mua bảo hiểm không đóng đủ Phí bảo hiểm định kỳ đến hạn mà Giá trị tài khoản Hợp đồng trừ đi Khoản nợ (nếu có) đủ cho Khoản khấu trừ hàng tháng thì Hợp đồng sẽ tiếp tục duy trì hiệu lực. Khoản khấu trừ hàng tháng sẽ tiếp tục được trừ từ Giá trị tài khoản Hợp đồng.
- 14.2 Trong thời gian Hợp đồng tạm ngừng đóng phí, Bên mua bảo hiểm không được: tăng Số tiền bảo hiểm, mua thêm Sản phẩm bổ trợ, chuyển từ Quyền lợi cơ bản sang Quyền lợi nâng cao, tạm ứng hoặc tạm ứng thêm từ Giá trị hoàn lại.
- 14.3 Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm tiếp tục đóng phí cho Hợp đồng bảo hiểm, các khoản Phí bảo hiểm sẽ được phân bổ theo quy định tại Khoản 12.7.

CHƯƠNG 5: CÁC KHOẢN PHÍ

ĐIỀU 15. CÁC KHOẢN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ

15.1 **Phí ban đầu:** Là khoản phí mà BIDV MetLife được phép khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm đóng thêm thu được tại mỗi lần đóng phí trước khi được phân bổ vào Quỹ liên kết chung theo tỷ lệ dưới đây:

Năm đóng phí	1	2	3	4-5	6-7	8-10	11+
% Phí bảo hiểm cơ bản	55%	40%	20%	15%	5%	2,5%	1,0%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	4%	3%	2,5%	2,0%	2,0%	2,0%	1,0%

15.2 **Phí bảo hiểm rủi ro:**

15.2.1 Là khoản phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả các Quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo Hợp đồng. Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, Phí bảo hiểm rủi ro được khấu trừ từ Giá trị tài khoản cơ bản hoặc từ Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu Giá trị tài khoản cơ bản không còn đủ để khấu trừ) vào Ngày kỷ niệm hàng tháng.

15.2.2 Tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro có thể được thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận. Trong trường hợp này, BIDV MetLife sẽ thông báo với Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 3 (ba) tháng trước thời điểm áp dụng.

15.2.3 Nếu Bên mua bảo hiểm không đồng ý với việc thay đổi tỷ lệ Phí bảo hiểm rủi ro, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm để nhận lại Giá trị tài khoản tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

15.3 **Phí quản lý Hợp đồng:**

15.3.1 Là khoản phí để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng sẽ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm hàng tháng từ khi Hợp đồng đang còn hiệu lực và cho đến Ngày đáo hạn hợp đồng.

15.3.2 Phí quản lý hợp đồng hàng tháng được quy định là 25.000 (hai mươi lăm nghìn) đồng.

15.3.3 Phí quản lý hợp đồng có thể thay đổi nhưng không vượt quá 60.000 (sáu mươi nghìn) đồng/tháng và không quá 2.000 (hai nghìn) cho mỗi lần thay đổi. Nếu có sự thay đổi liên quan đến Phí quản lý hợp đồng, BIDV MetLife sẽ thông báo với Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất ba (03) tháng trước thời điểm áp dụng

15.3.4 Mức tối đa của Phí quản lý hợp đồng có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

15.4 **Phí quản lý quỹ:**

15.4.1 Khi hợp đồng còn hiệu lực, Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố Lãi suất tích lũy. Phí quản lý quỹ được áp dụng tối đa không vượt quá 1.5%/năm tính trên tổng giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.

15.4.2 Mức Phí quản lý quỹ có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận. Nếu có sự thay đổi về mức Phí quản lý quỹ, BIDV MetLife sẽ thông báo với Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 3 (ba) tháng trước khi áp dụng.

15.5 **Phí hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn:**

15.5.1 Là khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước ngày đáo hạn.

15.5.2 Không áp dụng Phí hủy bỏ Hợp đồng cho Giá trị tài khoản đóng thêm.

15.5.3 Phí hủy bỏ Hợp đồng chỉ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản cơ bản và là giá trị nhỏ hơn giữa Giá trị tài khoản cơ bản và giá trị được quy định như sau:

Năm hợp đồng	% của Phí bảo hiểm cơ bản
1-3	100%
4	80%
5	60%
6	40%
7	20%
8	10%
9	5%
Từ năm thứ 10 trở đi	0%

15.6 **Phí rút từ Giá trị tài khoản hợp đồng:** Là khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút một phần từ Giá trị tài khoản Hợp đồng. Phí rút tiền được quy định như sau:

15.6.1 **Phí tính trên giá trị tiền rút từ Giá trị tài khoản đóng thêm:** Giá trị tài khoản đóng thêm được *miễn phí* rút tiền.

15.6.2 **Phí tính trên giá trị tiền rút từ Giá trị tài khoản cơ bản:** Phí tính trên giá trị tiền rút được xác định bằng tỷ lệ giữa số tiền rút tương ứng và Giá trị hoàn lại từ tài khoản cơ bản tại thời điểm yêu cầu rút nhân với *Phí hủy bỏ Hợp đồng trước hạn* tương ứng tại thời điểm rút tiền.

15.6.3 **Phí rút tiền tối thiểu:** Phí rút tiền tối thiểu từ Giá trị tài khoản cơ bản là **100.000 (một trăm ngàn)** đồng cho mỗi lần rút tiền. Phí rút tiền tối thiểu có thể được thay đổi với sự chấp thuận của Bộ Tài chính.

CHƯƠNG 6: QUỸ LIÊN KẾT CHUNG, GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG & LÃI SUẤT CAM KẾT TỐI THIỂU

ĐIỀU 16. QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

- 16.1 Quỹ liên kết chung được đầu tư và quản lý độc lập với quỹ chủ sở hữu và các quỹ chủ Hợp đồng khác của BIDV MetLife, phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 16.2 Quỹ liên kết chung thực hiện chiến lược đầu tư theo định hướng an toàn, theo đó, tài sản của quỹ được ưu tiên đầu tư vào các công cụ sinh lời ổn định. BIDV MetLife cam kết phân bổ phần lớn tài sản chiến lược dài hạn vào các kênh đầu tư ổn định bao gồm trái phiếu Kho bạc nhà nước, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, và chứng khoán có thu nhập ổn định.
- 16.3 Chiến lược, chính sách, mục tiêu đầu tư và cơ cấu tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung sẽ được thường xuyên cập nhật trên Trang thông tin điện tử (website) chính thức của BIDV MetLife.

ĐIỀU 17. GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

17.1 Giá trị tài khoản cơ bản

17.1.1 Giá trị tài khoản cơ bản tại Ngày có hiệu lực của Hợp đồng bằng:

- (i) Phí bảo hiểm phân bổ.

Trừ đi:

- (ii) Khoản khấu trừ hàng tháng.

17.1.2 Giá trị tài khoản cơ bản tại Ngày kỷ niệm hàng tháng bằng:

Tổng của:

- (i) Giá trị tài khoản cơ bản tại Ngày kỷ niệm hàng tháng liền trước; và
- (ii) Phí bảo hiểm phân bổ (nếu có); và
- (iii) Lãi tích lũy tính từ Ngày kỷ niệm hàng tháng liền trước theo Lãi suất tích lũy; và
- (iv) Quyền lợi thưởng duy trì Hợp đồng (nếu có)

Trừ đi:

- (i) Khoản khấu trừ hàng tháng; và
- (ii) Khoản rút tiền và Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản từ Ngày kỷ niệm hàng tháng liền trước.

17.2 Giá trị tài khoản đóng thêm

17.2.1 **Giá trị tài khoản đóng thêm tại Ngày có hiệu lực của Hợp đồng bằng** Phí bảo hiểm phân bổ từ Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có).

17.2.2 **Giá trị tài khoản đóng thêm tại Ngày kỷ niệm hàng tháng bằng:**
Tổng của:

- (i) Giá trị tài khoản đóng thêm tại Ngày kỷ niệm hàng tháng liền trước; và
- (ii) Phí bảo hiểm phân bổ từ Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có); và
- (iii) Lãi tích lũy tính từ Ngày kỷ niệm hàng tháng liền trước theo Lãi suất tích lũy.

Trừ đi

- (i) Khoản khấu trừ hàng tháng (nếu Giá trị tài khoản cơ bản không đủ để trừ Khoản khấu trừ hàng tháng); và
- (ii) Khoản rút tiền từ Giá trị tài khoản đóng thêm từ Ngày kỷ niệm hàng tháng liền trước.

ĐIỀU 18. LÃI SUẤT CAM KẾT TỐI THIỂU

18.1 Lãi suất cam kết tối thiểu của Hợp đồng tại từng năm Hợp đồng được quy định tại bảng dưới đây:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6-10	11-15	16+
Lãi suất cam kết (/năm)	4,0%	3,5%	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	1,5%	0,5%

18.2 BIDV MetLife cam kết rằng Lãi suất tích lũy sẽ không thấp hơn Lãi suất cam kết tối thiểu tại bất kỳ thời điểm nào khi Hợp đồng đang có hiệu lực.

CHƯƠNG 7: ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ

ĐIỀU 19. LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

19.1 Loại trừ đối với sự kiện tử vong:

BIDV MetLife sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Khoản 5.2 mà chỉ chi trả Giá trị tài khoản tính tại thời điểm tử vong trừ đi các Khoản nợ nếu Người được bảo hiểm tử vong (i) trong các trường hợp hoặc (ii) do hậu quả trực tiếp của một trong các trường hợp sau:

- 19.1.1 Tự tử, tự gây thương tích hoặc tự gây tai nạn, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí, trong vòng 24 tháng kể từ Ngày có hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm gần nhất tùy ngày nào xảy ra sau; hoặc
- 19.1.2 Hành vi cố ý, hành vi phạm tội của một trong các bên (i) Bên mua bảo hiểm, (ii) Người được bảo hiểm hoặc (iii) Người thụ hưởng theo bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam; trong trường hợp một hoặc một số Người thụ hưởng có hành vi cố ý hoặc phạm tội, BIDV MetLife chỉ trả tiền bảo hiểm cho những Người thụ hưởng khác tương ứng với phần thuộc về những Người thụ hưởng này; hoặc
- 19.1.3 Thi hành án tử hình; hoặc
- 19.1.4 Nhiễm HIV hoặc các bệnh có liên quan đến HIV/AIDS, ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV/AIDS trong khi đang thực hiện nhiệm vụ tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát; hoặc
- 19.1.5 Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, sử dụng ma túy hoặc các chất kích thích, rượu, bia, vượt mức quy định của pháp luật; hoặc
- 19.1.6 Các Bệnh có sẵn, Bệnh bẩm sinh, ngoại trừ các trường hợp được BIDV MetLife chấp thuận bảo hiểm.

19.2 **Loại trừ đối với sự kiện Thương tật toàn bộ vĩnh viễn:** BIDV MetLife sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Khoản 5.2 mà chỉ chi trả Giá trị tài khoản tính tại thời điểm bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn trừ đi các Khoản nợ (nếu có) nếu Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (i) trong các trường hợp hoặc (ii) do hậu quả trực tiếp của:

- 19.2.1 Các trường hợp quy định tại Khoản 19.1 (Loại trừ áp dụng cho sự kiện tử vong) hoặc

- 19.2.2 Tham gia đánh nhau, ẩu đả; hay chống lại việc bắt giữ, giam giữ của cơ quan có thẩm quyền; hoặc
- 19.2.3 Tham gia vào các các môn thể thao hoặc hoạt động nguy hiểm, kể cả với tư cách là vận động viên chuyên nghiệp như: lặn có bình dưỡng khí, nhảy bungee, nhảy dù, leo núi, đua ngựa hay đua trên các phương tiện có bánh xe, đấm bốc (boxing), săn bắn; hoặc
- 19.2.4 Lên, xuống, vận hành, phục vụ, hoặc đang được chở trên các thiết bị hoặc phương tiện vận chuyển hàng không, trừ trường hợp khi Người được bảo hiểm, với tư cách là một hành khách mua vé, đi trên các chuyến bay thương mại với các lịch trình thường xuyên trên các tuyến đường đã được xác lập; hoặc
- 19.2.5 Thực hiện phẫu thuật, khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế không được thành lập và hoạt động hợp pháp theo luật pháp Việt Nam hoặc không được phép thực hiện các phẫu thuật, khám chữa bệnh đó; thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ; thực hiện phẫu thuật, khám chữa bệnh không được chỉ định bởi bác sĩ có chuyên môn phù hợp để duy trì và khắc phục tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm; hoặc
- 19.2.6 Động đất, núi lửa, nổ bom hạt nhân; hoặc
- 19.2.7 Chiến tranh (có tuyên bố hay không tuyên bố), khủng bố, nội chiến, nổi loạn, bạo động, bạo loạn dân sự, khởi nghĩa, hành động theo mệnh lệnh chiến đấu hay thiết lập trật tự công cộng (ngoại trừ thực hiện theo nhiệm vụ đối với lực lượng vũ trang) và các hành động thù địch hoặc mang tính chiến tranh, bãi công, đình công.

19.3 Loại trừ đối với sự kiện tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do Tai nạn:

BIDV MetLife sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Khoản 5.3 nếu Người được bảo hiểm tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn trong trường hợp hoặc do hậu quả trực tiếp của:

- 19.3.1 Nguyên nhân không phải do Tai nạn;
- 19.3.2 Các trường hợp quy định tại tại Khoản 19.1 và Khoản 19.2, ngoại trừ Mục 19.1.4.

19.4 Loại trừ Bệnh nan y:

- 19.4.1 BIDV MetLife sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Khoản 5.4 nếu Bệnh nan y có nguyên nhân từ các sự kiện liên quan đến Người được bảo hiểm được nêu tại Khoản 19.1 và Khoản 19.2.

CHƯƠNG 8: NHỮNG THAY ĐỔI LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 20. THAY ĐỔI NGHỀ NGHIỆP, NƠI CƯ TRÚ, RA KHỎI LÃNH THỔ VIỆT NAM

- 20.1 Trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm thay đổi nghề nghiệp, Bên mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho BIDV MetLife trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thay đổi.
- 20.2 Nếu Người được bảo hiểm ra khỏi phạm vi lãnh thổ Việt Nam trong thời gian từ 90 ngày trở lên, Bên mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho BIDV MetLife tối thiểu ba mươi (30) ngày trước ngày Người được bảo hiểm xuất cảnh.
- 20.3 Đối với các thay đổi nêu trên, BIDV MetLife có thể thẩm định lại rủi ro có thể được bảo hiểm để:
- (i) Xác định lại mức Phí bảo hiểm rủi ro, hoặc;
 - (ii) Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, hoặc;
 - (iii) Giảm Quyền lợi bảo hiểm; hoặc
 - (iv) Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. Nếu BIDV MetLife chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, BIDV MetLife sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm Giá trị hoàn lại tại thời điểm đó.

ĐIỀU 21. THAY ĐỔI BÊN MUA BẢO HIỂM

21.1 **Trường hợp Bên mua bảo hiểm tử vong (Bên mua bảo hiểm không phải là Người được bảo hiểm)**

21.1.1 Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm đáp ứng điều kiện nêu tại Khoản 1.2 (trừ quy định về kê khai, ký tên trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm) có quyền thừa kế toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm và trở thành Bên mua bảo hiểm mới của Hợp đồng bảo hiểm nếu có yêu cầu bằng văn bản trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm tử vong.

Nếu Bên mua bảo hiểm có nhiều người thừa kế hợp pháp, những người thừa kế hợp pháp này cần cử một đại diện để trở thành Bên mua bảo hiểm mới có xác nhận của các bên bằng văn bản.

Việc trở thành Bên mua bảo hiểm mới chỉ có hiệu lực khi được BIDV MetLife chấp thuận bằng văn bản.

21.1.2 Trường hợp người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm không đủ điều kiện hoặc không yêu cầu trở thành Bên mua bảo hiểm mới theo quy định tại Khoản 1.2, Người được bảo hiểm sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng.

21.2 Trường hợp Bên mua bảo hiểm là tổ chức chấm dứt hoạt động theo các quy định của pháp luật trong thời hạn Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực mà không có tổ chức khác hoặc cá nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1.2 Điều 1 (trừ quy định về kê khai, ký tên trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm) và các quy định khác của pháp luật để kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm thì Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực và BIDV MetLife sẽ trả Giá trị hoàn lại của Hợp đồng (nếu có) tại thời điểm Bên mua bảo hiểm chấm dứt hoạt động cho Người được bảo hiểm.

21.3 Chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu chuyển nhượng Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho BIDV MetLife với điều kiện Bên nhận chuyển nhượng phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Khoản 1.2 (trừ quy định về kê khai, ký tên trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm) của Quy tắc và điều khoản này và tuân thủ các quy định của pháp luật về chuyển nhượng Hợp đồng. Việc chuyển nhượng chỉ có hiệu lực khi BIDV MetLife thông báo chấp thuận bằng văn bản cho Bên nhận chuyển nhượng và Người được bảo hiểm. BIDV MetLife sẽ không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của việc chuyển nhượng giữa Bên mua bảo hiểm và Bên nhận chuyển nhượng.

Sau khi việc chuyển nhượng có hiệu lực, Bên nhận chuyển nhượng sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng, có toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan đến Hợp đồng. Việc chỉ định Người thụ hưởng do Bên mua bảo hiểm thực hiện trước thời điểm chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động bị hủy bỏ.

21.4 Nếu Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm với Người được bảo hiểm thì Hợp đồng sẽ tự động chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi có thể được bảo hiểm với Người được bảo hiểm. Trong trường hợp này, BIDV MetLife sẽ trả Giá trị hoàn lại tính tại ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực cho Bên mua bảo hiểm.

ĐIỀU 22. THAY ĐỔI NGƯỜI THỤ HƯỞNG

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và Người được bảo hiểm còn sống, nếu được Người được bảo hiểm đồng ý bằng văn bản, Bên mua bảo hiểm có thể gửi yêu cầu thay đổi (những) Người thụ hưởng hoặc tỉ lệ thụ hưởng của mỗi Người thụ hưởng của Hợp đồng bảo hiểm cho BIDV MetLife. Việc thay đổi chỉ có hiệu lực khi BIDV MetLife chấp nhận bằng văn bản và BIDV MetLife không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp cũng như tranh chấp (nếu có) của Bên mua bảo hiểm hoặc những người liên quan đến việc chỉ định thay đổi Người thụ hưởng.

ĐIỀU 23. THÔNG BÁO SAI VỀ TUỔI VÀ / HOẶC GIỚI TÍNH CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

23.1 Thông báo sai tuổi của Người được bảo hiểm.

23.1.1 Nếu theo tuổi đúng, Người được bảo hiểm vẫn được chấp nhận bảo hiểm, Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm rủi ro sẽ được điều chỉnh dựa trên tuổi đúng kể từ Ngày kỷ niệm hàng tháng tiếp theo và:

- (i) Nếu Phí bảo hiểm rủi ro phải khấu trừ lớn hơn Phí bảo hiểm rủi ro đã khấu trừ, Bên mua bảo hiểm phải đóng thêm khoản chênh lệch Phí bảo hiểm rủi ro đã đóng thiếu. BIDV MetLife có thể yêu cầu Bên mua bảo hiểm điều chỉnh giảm Số tiền bảo hiểm tương ứng để đảm bảo duy trì các quyền lợi của Hợp đồng theo tuổi đúng;
- (ii) Nếu Phí bảo hiểm rủi ro phải khấu trừ thấp hơn Phí bảo hiểm rủi ro đã khấu trừ, BIDV MetLife sẽ hoàn trả phần chênh lệch Phí bảo hiểm rủi ro (không có lãi).

23.1.2 Trường hợp phát hiện nhầm lẫn khi BIDV MetLife giải quyết Quyền lợi bảo hiểm, phần phí thiếu hoặc phí thừa nêu trên sẽ được thu hồi hoặc hoàn trả cùng với Quyền lợi bảo hiểm.

23.1.3 Nếu theo tuổi đúng Người được bảo hiểm không được chấp nhận bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm sẽ bị huỷ bỏ và BIDV MetLife sẽ hoàn trả số Phí bảo hiểm đã đóng cho Bên mua bảo hiểm sau khi đã trừ đi Chi phí khám sức khỏe (nếu có), các Khoản nợ (nếu có) và các Quyền lợi bảo hiểm đã chi trả (nếu có).

23.2 Trường hợp thông báo sai giới tính của Người được bảo hiểm: áp dụng tương tự quy định tại Khoản 23.1.

CHƯƠNG 9: CHẤM DỨT VÀ KHÔI PHỤC HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 24. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRƯỚC THỜI HẠN THEO YÊU CẦU

Trong Thời hạn bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm có quyền gửi văn bản yêu cầu chấm dứt Hợp đồng và nhận Giá trị hoàn lại (nếu có) xác định tại thời điểm Hợp đồng bị chấm dứt. Hợp đồng chấm dứt hiệu lực vào ngày BIDV MetLife nhận được văn bản yêu cầu chấm dứt Hợp đồng của Bên mua bảo hiểm.

ĐIỀU 25. KHÔI PHỤC HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 25.1 Trường hợp Hợp đồng mất hiệu lực theo quy định tại Khoản 8.4, Khoản 13.3, và Giá trị hoàn lại (nếu có) chưa được thanh toán, Bên mua bảo hiểm có quyền gửi văn bản yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực gần nhất và trước ngày Hợp đồng đáo hạn. Hợp đồng sẽ được khôi phục hiệu lực nếu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Hợp đồng đáp ứng đầy đủ các điều kiện để BIDV MetLife chấp nhận khôi phục. Bên mua bảo hiểm phải đóng tất cả Phí bảo hiểm đến hạn chưa đóng (nếu có) của Thời hạn đóng phí tối thiểu và chịu chi phí khám sức khỏe (nếu có) để thực hiện khôi phục hiệu lực Hợp đồng. Phí bảo hiểm rủi ro, Phí quản lý hợp đồng không bị khấu trừ trong thời gian Hợp đồng mất hiệu lực. Khoản nhận tạm ứng từ Giá trị hoàn lại, khoản giảm thu nhập đầu tư (nếu có) sẽ làm giảm Giá trị tài khoản tương ứng tại ngày Hợp đồng được khôi phục hiệu lực.
- 25.2 Trường hợp được chấp thuận, Hợp đồng sẽ được khôi phục theo thông báo bằng văn bản của BIDV MetLife. BIDV MetLife không phải chịu trách nhiệm bảo hiểm đối với các rủi ro xảy ra với Người được bảo hiểm và Bên mua bảo hiểm trước ngày Hợp đồng được chấp nhận khôi phục hiệu lực.

CHƯƠNG 10: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

ĐIỀU 26. THỜI HẠN YÊU CẦU GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Trong vòng 12 tháng kể từ ngày Người được bảo hiểm tử vong, bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Người yêu cầu giải quyết Quyền lợi bảo hiểm phải lập hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm và gửi tới BIDV MetLife. Quá thời hạn nêu trên, mọi yêu cầu giải Quyết quyền lợi bảo hiểm đều không có giá trị. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu giải quyết Quyền lợi bảo hiểm.

ĐIỀU 27. HỒ SƠ YÊU CẦU GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

27.1 Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm bao gồm:

- Giấy yêu cầu giải quyết Quyền lợi bảo hiểm theo mẫu của BIDV MetLife đã được điền đầy đủ và chính xác; và
- Bản gốc hoặc bản sao hợp pháp bằng chứng sự kiện tử vong; hoặc
- Bản gốc hoặc bản sao hợp pháp giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tình trạng Thương tật toàn bộ vĩnh viễn của Người được bảo hiểm (đối với trường hợp Thương tật toàn bộ vĩnh viễn); và
- Bản sao hợp pháp hoặc bản gốc của tất cả các biên bản, chứng từ y tế gắn liền với Sự kiện bảo hiểm (bao gồm tất cả các kết quả xét nghiệm, các kết quả chẩn đoán, kết quả điều trị, đơn thuốc, phim chụp, các giấy tờ, hình ảnh hoặc các phương thức khác thể hiện kết quả gắn liền với Sự kiện bảo hiểm); và
- Biên bản tai nạn được lập bởi cơ quan có thẩm quyền đối với các sự kiện bảo hiểm có nguyên nhân do tai nạn; và
- Bản sao hợp pháp hoặc bản gốc kết luận về việc Người được bảo hiểm bị mắc Bệnh hiểm nghèo của Bệnh viện và các kết luận này phải được một Bác sĩ hành nghề hợp pháp thực hiện đối với trường hợp yêu cầu chi trả Quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo; và
- Bản sao hợp pháp giấy tờ tùy thân của Người được Bảo hiểm/Người thụ hưởng; và
- Bằng chứng về quyền được nhận Quyền lợi bảo hiểm của Người thụ hưởng được nêu trong Quy tắc và Điều khoản bảo hiểm này như giấy ủy quyền, di chúc, văn bản thỏa thuận phân chia di sản hoặc văn bản khai nhận di sản hoặc thỏa thuận cử người nhận Quyền lợi bảo hiểm theo đúng quy định của pháp luật.
- Người nộp hồ sơ yêu cầu giải quyết Quyền lợi bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp các giấy tờ nêu trên và tự chịu các chi phí phát sinh có liên quan đến việc thu thập các giấy tờ nói trên.

27.2 Các hồ sơ bổ sung khác theo yêu cầu của BIDV MetLife

BIDV MetLife có thể yêu cầu:

- Người được bảo hiểm thực hiện các giám định y khoa với chuyên gia y tế do BIDV MetLife chỉ định với trường hợp Thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
- BIDV MetLife sẽ chi trả chi phí phát sinh từ các yêu cầu này, và sẽ không giải quyết Quyền lợi bảo hiểm nếu các yêu cầu này không được thực hiện, trừ các lý do chính đáng được BIDV MetLife chấp nhận.

ĐIỀU 28. NHẬN QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Các quyền lợi bảo hiểm quy định tại Điều 5 sẽ được chi trả cho người nhận quyền lợi bảo hiểm theo thứ tự ưu tiên như sau:

28.1 Quyền lợi bảo hiểm quy định tại Khoản 5.1:

- (i) Bên mua bảo hiểm là cá nhân;
- (ii) Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm;
- (iii) Bên mua bảo hiểm là tổ chức.

28.2 Quyền lợi bảo hiểm quy định tại Khoản 5.2 hoặc Khoản 5.3 trong trường hợp Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn, tại Khoản 5.4:

- (i) Bên mua bảo hiểm là cá nhân;
- (ii) Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm;
- (iii) Người thụ hưởng được chỉ định hợp lệ;
- (iv) Bên mua bảo hiểm là tổ chức.

28.3 Quyền lợi bảo hiểm quy định tại Khoản 5.2 hoặc Khoản 5.3 trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong:

- (i) Người thụ hưởng được chỉ định hợp lệ;
- (ii) Bên mua bảo hiểm là cá nhân;
- (iii) Người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm;
- (iv) Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm;
- (v) Bên mua bảo hiểm là tổ chức.

28.4 Người nhận quyền lợi bảo hiểm và các khoản chi trả theo Hợp đồng có trách nhiệm đóng các khoản thuế (nếu có) liên quan đến việc đóng phí bảo hiểm và nhận các khoản chi trả theo quy định của pháp luật. Tùy theo quy định của pháp luật tại thời điểm chi trả, BIDV MetLife có quyền thực hiện khấu trừ và thay mặt người nhận quyền lợi bảo hiểm đóng thuế theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 29. NGHĨA VỤ CHỨNG MINH

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu chi trả Quyền lợi bảo hiểm, nếu BIDV MetLife từ chối chi trả Quyền lợi bảo hiểm thì BIDV MetLife phải nêu rõ lý do từ chối bằng văn bản cho người yêu cầu giải quyết Quyền lợi bảo hiểm.

ĐIỀU 30. THỜI GIAN GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

- 30.1 BIDV MetLife có trách nhiệm giải quyết Quyền lợi bảo hiểm trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu giải Quyết quyền lợi bảo hiểm hợp lệ theo quy định tại Điều 27. Quá thời hạn này, nếu chưa giải quyết quyền lợi bảo hiểm, BIDV MetLife phải trả thêm khoản lãi trên số tiền phải thanh toán theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tương đương với thời gian quá hạn do Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) quy định tại thời điểm thanh toán.
- 30.2 Trong trường hợp Người được bảo hiểm bị mất hoàn toàn bộ phận cơ thể và đã được xác nhận bởi cơ quan y tế được thành lập và hoạt động hợp pháp theo luật pháp Việt Nam, BIDV MetLife sẽ xem xét chi trả quyền lợi bảo hiểm sớm hơn.
- 30.3 Trường hợp có một vụ án được khởi tố liên quan đến rủi ro của Người được bảo hiểm, BIDV MetLife chỉ xem xét giải quyết Quyền lợi bảo hiểm sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án hoặc quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG 11: BẢO MẬT THÔNG TIN & GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 31. NGHĨA VỤ KÊ KHAI, CUNG CẤP VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

31.1 Nghĩa vụ cung cấp, giải thích đầy đủ, trung thực và chính xác thông tin cho Bên mua bảo hiểm của BIDV MetLife:

31.1.1 BIDV MetLife có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, Quy tắc và Điều khoản bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm.

31.1.2 Trường hợp BIDV MetLife cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng thì Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm; BIDV MetLife phải bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh cho Bên mua bảo hiểm phải gánh chịu và là hậu quả trực tiếp của việc cung cấp thông tin sai sự thật.

31.2 Nghĩa vụ kê khai thông tin trung thực, đầy đủ và chính xác của Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm:

31.2.1 Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ kê khai đầy đủ và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để BIDV MetLife đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm. Việc thẩm định sức khỏe (nếu có), không thay thế cho nghĩa vụ kê khai trung thực của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm theo quy định tại Điều này.

31.2.2 Nếu Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm cố ý kê khai không đầy đủ và trung thực các thông tin cần thiết theo yêu cầu của BIDV MetLife, theo đó, nếu với thông tin chính xác, BIDV MetLife sẽ không chấp nhận bảo hiểm, BIDV MetLife không có trách nhiệm chi trả nếu xảy ra sự kiện bảo hiểm liên quan trực tiếp đến thông tin kê khai không trung thực và có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm ngay sau khi phát hiện ra hành vi vi phạm của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm. Việc giải quyết Hợp đồng bảo hiểm bị đơn phương chấm dứt trong trường hợp nêu tại Điều này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo hiểm.

31.2.3 Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ kê khai thông tin tại Điều này nhưng việc vi phạm này không làm ảnh hưởng tới quyết định chấp thuận bảo hiểm hoặc quyết định khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm theo quy định của BIDV MetLife tại từng thời điểm, BIDV MetLife vẫn sẽ chi trả Quyền lợi bảo hiểm nếu có sự kiện bảo hiểm xảy ra theo Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm này.

31.2.4 Trong trường hợp Hợp đồng bảo hiểm tiếp tục duy trì hiệu lực, BIDV MetLife và Bên mua bảo hiểm có thể thỏa thuận về việc thu thêm khoản Phí bảo hiểm hoặc điều chỉnh Số tiền bảo hiểm giảm tương ứng với mức rủi ro (nếu có).

31.3 Trách nhiệm bảo mật thông tin khách hàng của BIDV MetLife:

BIDV MetLife không được chuyển giao thông tin cá nhân do Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm cung cấp tại Hợp đồng bảo hiểm cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ các trường hợp sau đây:

- a. Thu thập, sử dụng, chuyển giao theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cho mục đích thẩm định, tính toán Phí bảo hiểm, phát hành Hợp đồng bảo hiểm, thu Phí bảo hiểm, tái bảo hiểm, trích lập dự phòng nghiệp vụ, giải quyết chi trả quyền lợi bảo hiểm, nghiên cứu thiết kế sản phẩm, phòng chống trục lợi bảo hiểm, nghiên cứu, đánh giá kiểm tra rà soát tình hình tài chính, khả năng thanh toán, mức độ đầy đủ vốn, yêu cầu vốn.
- b. Các trường hợp khác được Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm đồng ý bằng văn bản, với điều kiện:
 - Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm phải được thông báo về mục đích chuyển giao thông tin và được quyền lựa chọn giữa đồng ý hoặc không đồng ý với việc chuyển giao đó; và
 - Việc Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm từ chối cho phép chuyển giao thông tin cho bên thứ ba ngoài điểm a khoản này không được sử dụng làm lý do để từ chối giao kết Hợp đồng.

ĐIỀU 32. MIỄN TRUY XÉT

Khi Người được bảo hiểm còn sống, các nội dung kê khai không chính xác trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và các giấy tờ có liên quan sẽ được BIDV MetLife miễn truy xét sau 24 tháng kể từ Ngày hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm hoặc kể từ ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng gần nhất (lần sau cùng).

Quy định này sẽ không được áp dụng trong trường hợp Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm đã cố ý kê khai không trung thực hoặc không cung cấp những thông tin mà nếu biết được những thông tin đó, BIDV MetLife sẽ từ chối chấp thuận bảo hiểm hoặc chỉ chấp thuận bảo hiểm có điều kiện. Việc xử lý vi phạm sẽ theo quy định tại Khoản 31.2 của Quy tắc và Điều khoản này.

ĐIỀU 33. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 33.1 Hợp đồng bảo hiểm này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.
- 33.2 Mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm này, nếu không giải quyết được bằng thương lượng trong thời gian 90 ngày kể từ ngày có thông báo phát sinh tranh chấp, một trong các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền ở Việt Nam.
- 33.3 Thời hạn khởi kiện là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

1. Ung thư

Một khối u ác tính đặc trưng bởi sự tăng trưởng không kiểm soát được và lan rộng các tế bào ác tính, xâm lấn và phá hủy các mô bình thường. Chẩn đoán này phải được xác định bởi bằng chứng về mặt mô học và được xác nhận bởi bác sĩ chuyên khoa ung bướu hoặc bác sĩ giải phẫu bệnh.

Các trường hợp loại trừ:

- a. Các khối u có sự thay đổi ác tính của ung thư biểu mô tại chỗ và khối u được xác định về mặt mô học là tiền ác tính, không xâm lấn, giáp biên ác (borderline malignancy), tiềm năng ác tính (malignant potential) dị sản cổ tử cung CIN-1, CIN-2 và CIN-3; Tất cả các ung thư da, trừ khi có bằng chứng của sự di căn hoặc trừ khi u hắc tố trên 1,5 mm theo độ dày Breslow.
- b. Ung thư bạch cầu, ngoại trừ ung thư bạch cầu Lympho mãn tính, nếu không có xâm lấn tế bào bạch cầu ác tính vào tủy xương.
- c. Ung thư tiền liệt tuyến giai đoạn T1a hoặc T1b, ung thư buồng trứng giai đoạn T1aN0M0 hoặc T1bN0M0 đã được xác định về mặt mô học dựa trên hệ thống phân loại TNM hoặc theo bảng phân loại khác với mức độ tương tự hoặc thấp hơn.
- d. Ung thư tuyến giáp đã được xác định về mặt mô học dựa trên hệ thống phân loại TNM như T1N0M0.
- e. Ung thư bàng quang dạng nhú không xâm lấn như TaN0M0 và T1N0M0 đã được xác định về mặt mô học dựa trên hệ thống phân loại TNM hoặc theo bảng phân loại khác với mức độ tương tự hoặc thấp hơn.
- f. Ung thư bạch cầu lympho mãn tính thuộc nhóm dưới 03 (ba) của bảng phân loại RAI (RAI stage 3) hoặc dưới giai đoạn C phân loại Binet (Binet Stage C). Tất cả các ung thư có sự hiện diện của nhiễm HIV.

2. Tai biến mạch máu não/ Đột quỵ

Là tai biến mạch máu não bao gồm nhồi máu não, xuất huyết não và xuất huyết dưới màng nhện, thuyên tắc não và huyết khối não. Chẩn đoán phải thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- a. Có bằng chứng tổn thương thần kinh vĩnh viễn ít nhất 6 tuần sau khi xảy ra tai biến mạch máu não được bác sĩ thần kinh xác định; và
- b. Hình ảnh trên phim Chụp cắt lớp hoặc trên hình ảnh cộng hưởng từ, hoặc xét nghiệm hình ảnh học đáng tin cậy khác phù hợp với dấu hiệu của một cơn tai biến mạch máu não.

Các trường hợp loại trừ:

- a. Cơn thiếu máu não thoáng qua và các tổn thương thiếu máu não cục bộ có thể hồi phục.
- b. Tổn thương não do tai nạn, do chấn thương, do viêm mạch máu, do nhiễm trùng, do viêm và hội chứng đau nửa đầu Migraine.
- c. Bệnh lý mạch máu gây tổn thương đến mắt hay thần kinh thị giác.
- d. Các bệnh lý thiếu máu cục bộ của hệ thống tiền đình.

3. Nhồi máu cơ tim

Sự hoại tử một phần cơ tim do thiếu máu nuôi vùng cơ tim đó. Chẩn đoán phải thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- a. Cơn đau thắt ngực điển hình của nhồi máu cơ tim.
- b. Dấu hiệu nhồi máu cơ tim mới trên Điện tâm đồ (ECG).
- c. Tăng men tim: Troponin T > 1,0 ng/ml hoặc Accu Tnl > 0,5 ng/ml hoặc các phương pháp Troponin I khác tương đương.

Loại trừ tất cả trường hợp hội chứng mạch vành cấp tính khác và đau thắt ngực không ổn định.

4. Suy gan giai đoạn cuối

Bệnh phải được xác định dựa trên tất cả những tiêu chuẩn sau đây:

- a. Vàng da kéo dài và không thể hồi phục.
- b. Báng bụng hay cổ trướng.
- c. Bệnh não do gan.

Loại trừ các trường hợp bệnh gan do rượu bia hoặc do nghiện thuốc.

5. Suy thận giai đoạn cuối

Là suy thận giai đoạn cuối với biểu hiện suy giảm mãn tính và không thể phục hồi chức năng của cả 2 thận. Tình trạng này khiến Người được bảo hiểm phải điều trị bằng lọc thận định kì, hoặc phẫu thuật ghép thận.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife

Tầng 3A, Tòa VCCI Tower, Số 9 Đào Duy Anh,

Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội.

TT CSKH: (84 24) 3555 0606 | ĐT: (84 24) 3555 0808

Website: bidvmetlife.com.vn